

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – H1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **999/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 07 tháng 09 năm 2026

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – H1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Chu Bá Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H1

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 09 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 786/2026/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2026 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 08 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Anh Tr**, sinh ngày 22/08/1992; CCCD số: 092***709 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021; Địa chỉ: Thôn TQ, xã GL, thành phố H1.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn D**, sinh ngày 28/07/1989; CCCD số: 001***001 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021; Địa chỉ: thôn HL, xã TA, thành phố H1.

Chị Tr, Anh D vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/07/2026, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H1, nguyên đơn – Chị Vũ Anh Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và Anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhT nay là xã TA, thành phố H1 ngày 13/12/2018.

Sau khi kết hôn, Chị Tr và Anh D cùng chung sống tại thôn HL, xã PhT nay là xã TA. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã to tiếng. Nguyên nhân do xuất phát từ kinh tế, 4 năm nay Anh D không đi làm, không có tiền, chi phí sinh hoạt gia đình đều do Chị Tr lo toan nên Chị Tr rất mệt mỏi, Chị Tr có khuyên Anh D đi làm nhưng Anh D không đi làm. Dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách. Đến tháng 6/2026 thì mâu thuẫn trầm trọng, Chị Tr không chịu đựng được nữa nên Chị Tr đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ Chị Tr ở và sống ly thân với Anh D từ ngày 01/7/2026 đến nay. Nay Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên Chị Tr kiên quyết xin ly hôn với Anh D. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho Chị Tr với Anh D.

- Về con chung: Chị Tr và Anh D có 01 con chung là cháu Hoàng Đăng Q, sinh ngày 31/01/2020. Hiện nay cháu Q do Chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ trước đến nay tiền học, tiền ăn của con đều do Chị Tr lo. Nên Chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu Anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho tôi là 3.000.000đ/tháng từ tháng 9/2026 đến khi con 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu Anh D được quyền nuôi con, Chị Tr tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh D 3.000.000đ/tháng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn.

Hiện nay Chị Tr đang làm nhân viên văn phòng Công ty TNHH YVN, thời gian làm việc từ 8h-17h; địa điểm làm việc ở TT, BN nên Chị Tr thấy bản thân đủ điều kiện nuôi con. Về chỗ ở thì Chị Tr và cháu Q đang ở cùng bố mẹ đẻ Chị Tr ở TQ. Bố mẹ đẻ Chị Tr vẫn hỗ trợ mẹ con Chị Tr chỗ ở và chăm sóc cháu.

Ngoài ra, Chị Tr và Anh D không có con chung nào khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn D trình bày:

Anh D và Chị Vũ Anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhT nay là xã TA, thành phố H1 ngày 13/12/2018.

Về mâu thuẫn vợ chồng như Chị Tr trình bày là đúng, Anh D có điều chỉnh một chút là Anh D mới nghỉ làm và ở nhà 02 năm nay. Anh D không đồng ý ly hôn với Chị Tr. Nếu Chị Tr đồng ý giao con chung của anh chị cho Anh D nuôi thì Anh D sẽ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh D và Chị Tr có 01 con chung là cháu Hoàng Đăng Q, sinh ngày 31/01/2020. Hiện nay cháu Q đang sống cùng Chị Tr và được Chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ trước đến nay tiền học của cháu Q đều do Chị Tr đóng, con thì do hai vợ chồng cùng chăm sóc. Mặc dù Anh D chưa có công ăn việc làm ổn định nhưng Anh D cũng đủ khả năng nuôi cháu Q, Anh D có chỗ ở, và hiện đang chăn nuôi ở nhà. Nên khi ly hôn, Anh D xin được trực tiếp nuôi con, Anh D không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Nếu Chị Tr được giao nuôi con thì Anh D tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn đến khi con 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa :

Chị Vũ Anh Tr và Anh Hoàng Văn D có đơn xin xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H1 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H1 thụ lý đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Vũ Anh Tr đối với Anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Chị Tr và Anh D có 01 con chung là cháu Hoàng Đăng Q, sinh ngày 31/01/2020. Khi ly hôn cả Anh D và Chị Tr đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Xét Chị Tr hiện có chỗ ở và công việc thu nhập ổn định (nhân viên văn phòng Công ty TNHH YVN). Anh D hiện không có công ăn việc làm. Do đó đề nghị giao cháu Q cho Chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu Q. Ghi nhận sự tự nguyện của Anh D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực. Bị đơn là Anh Hoàng Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã TA, thành phố H1, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân Khu vực 5 - H1.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Anh Tr và Anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã PhT nay là xã TA, thành phố H1 ngày 13/12/2018. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào những lời khai của Chị Vũ Anh Tr và Anh Hoàng Văn D, thể hiện:

Quá trình chung sống, vợ chồng Chị Tr, Anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến tháng 7 năm 2026 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là Anh D không đi làm trong thời gian dài, không có tiền, chi phí sinh hoạt gia đình đều do một mình Chị Tr lo toan. Chị Tr đã nhiều lần khuyên Anh D đi làm nhưng Anh D chịu đi làm. Dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, không chia sẻ được với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Sau khi vợ chồng anh chị sống ly thân Anh D đã nhiều lần đến nhà bố mẹ Chị Tr để xin lỗi và khuyên giải Chị Tr về nhà, tìm cách hòa giải nhưng không thành. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Anh D – bị đơn cũng xác nhận quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn đúng như Chị Tr trình bày. Anh D đồng ý ly hôn với điều kiện Chị Tr giao con chung của anh chị cho Anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng đã hết, bản thân Chị Tr và Anh D đã sống ly thân, Anh D thừa nhận giữa Chị Tr và Anh D có mâu thuẫn nhưng không có cách nào hàn gắn. Anh D chỉ đồng ý ly hôn khi Chị Tr đồng ý giao con chung của anh chị cho Anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, do đó xác định việc Anh D không đồng ý ly hôn không phải vì Anh D còn tình cảm với Chị Tr và muốn níu kéo. Như vậy, Anh D không thực sự mong muốn đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Tr với Anh D.

[4]. *Về con chung*: Chị Tr và Anh D cùng xác định anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Đăng Q, sinh ngày 31/01/2020. Từ khi anh chị còn chung sống với nhau cho đến khi anh chị ly thân, Chị Tr vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q. Chị Tr cũng là người lo tiền học, tiền ăn của cháu Q hàng ngày. Bản thân Anh D không có công việc, không có thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống cho cháu Q. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cháu Q, cần tiếp tục giao cháu Q cho Chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ghi nhận sự tự nguyện của Anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị Tr số tiền 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung của anh chị trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung vợ chồng*: Do không có đương sự nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6]. *Về án phí*: Chị Tr, Anh D phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Vũ Anh Tr đối với Anh Hoàng Văn D. Chị Vũ Anh Tr được ly hôn với Anh Hoàng Văn D.

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Vũ Anh Tr và Anh Hoàng Văn D chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Tr và Anh D có 01 con chung là cháu Hoàng Đăng Q, sinh ngày 31/01/2020. Giao cháu Q cho Chị Tr (là mẹ) trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q, Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị Tr số tiền 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Vũ Anh Tr chịu toàn bộ án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác định, Chị Tr đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng

án phí theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0002312, ngày 28/07/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H1 (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 – H1) nay được chuyển thành án phí ly hôn. Chị Vũ Anh Tr còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Vũ Anh Tr và Anh Hoàng Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Những người tham gia tố tụng
- Tòa án nhân dân TP H1
- VKSND TP.H1
- VKSND Khu vực 5 – H1
- T.H.A.DS TP H1
- T.H.A DS Khu vực 5 – H1
- UBND xã PhT, huyện GL, HN – nay là xã TA, HN (ĐKKH số 66/2018, ngày 13/12/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Ngọc